

Lịch sử phát triển tư duy chiến lược của Mỹ



Tác giả: Lưu Minh Phúc (Trung Quốc) | Biên dịch và chú thích: Nguyễn Hải Hoàn
Trong số tất cả các nước lớn trên thế giới, kinh nghiệm của Mỹ có ý nghĩa nhất đối với Trung Quốc. Số thế giới của Mỹ có đặc điểm nhanh, thu nhập cao, trình độ giá trị, hiệu quả cao, là số thế giới thông minh nhất, trí tuệ nhất, nghệ thuật nhất, lý kỳ nhất. Số thế giới của nước Mỹ đang trình bày tình hình các đối thủ cạnh tranh và nhiều lợi và hại của mình. Đặc biệt, Nhật, Liên Xô lớn nhất tiến hành cạnh tranh chiến lược và đua tài với Mỹ, nhưng cuối cùng Mỹ thắng.

Kinh nghiệm thế giới của Mỹ chủ yếu thể hiện trên ba mặt: một là Mỹ có kinh nghiệm vượt qua sự ngăn chặn, thế giới thành công; hai là Mỹ có kinh nghiệm ngăn chặn kẻ khác, bao gồm bá quyền; ba là Mỹ có kinh nghiệm ngăn chặn chia rẽ, giữ gìn sự thống nhất quốc gia. Con đường nước Mỹ đi qua trên ba phương diện này đều là tài sản chiến lược quý giá Trung Quốc có thể tham khảo.

Trung Quốc nghiên cứu kinh nghiệm của Mỹ về mặt ngăn chặn kẻ khác và bao gồm bá quyền là nhằm thông qua tìm hiểu các thủ đoạn của Mỹ ngăn chặn kẻ khác để xem xét việc ứng phó hữu hiệu với sự ngăn chặn của Mỹ. Trên thế giới ngày nay Mỹ là quốc gia duy nhất có thể ngăn chặn Trung Quốc thế giới. Bởi vậy, Trung Quốc muốn thế giới thành công thì phải học tập Mỹ, nghiên cứu Mỹ, đối phó với Mỹ. Trên vấn đề nước lớn thế giới, Mỹ là người thầy tốt nhất của Trung Quốc.

Mỹ là nước lớn và chiến lược

Có người tiến hành so sánh đối chiếu người Mỹ với người Nhật và cho rằng trên các khía cạnh mặt tính chất có thể người Mỹ không bằng người Nhật, nhưng trên chiến lược lớn

thì số cao minh của người Mỹ vượt xa người Nhật; Mỹ là “nước nhô vọt toan tính, nước lặn vọt chiến lược”.

Nước lặn vọt là lặn vọt chiến lược. Nước lặn vọt thành công là thành công của chiến lược lặn. Trong thời gian hơn 200 năm, nước Mỹ từng mắc không ít sai lầm, nhưng rất ít xuất hiện, có thể nói là chưa từng xuất hiện những sai sót về quy tắc sách chiến lược đến đâu nước tôi chưa xảy ra sự thất bại lặn. Lịch sử trỗi dậy của nước Mỹ chứng tỏ họ là một nước lặn chiến lược thành công, trên chiến lược lặn họ là một tay chơi sành sỏi.

Washington đầu tiên đề xướng “chính nghĩa bí mật lặn”: sự ra đời đời chiến lược “chính nghĩa đặc lặn” Mỹ

Có thể nói chính nghĩa bí mật lặn là đời chiến lược thời nhót của nước Mỹ sau ngày lặn quốc, là giai đoạn lịch sử thời nhót và hình thái đầu tiên của đời chiến lược Mỹ

Chính nghĩa bí mật lặn có căn nguyên sâu xa ở nước Mỹ, là truyền thống hình thành từ thời đời Washington. Chính nghĩa này cho rằng “Tân thời giới” (Tân bán cầu) ưu việt hơn thời giới cũ, nó không muốn gợn kết với châu Âu thời nát và lạc hậu, lại càng không muốn cuốn vào cuộc tranh chấp của châu Âu. Hàm nghĩa cốt bản của chính nghĩa bí mật lặn là: nước Mỹ không cuốn vào công việc của châu Âu, nước Mỹ thi hành chính sách ngoại giao đặc lặn không chịu sự kiểm soát của châu Âu. Về thực chất, chính nghĩa bí mật lặn thích ứng với nền đặc lặn quốc gia Mỹ, kiên trì sự đặc lặn của Mỹ về ngoại giao; cũng là một kiểu chiến lược thời thành trong tình hình nước Mỹ mới thành lập, lúc còn chưa ổn định. Từ những chiến lược của chính nghĩa bí mật lặn Mỹ được thể hiện sâu sắc nhất trong bài diễn thuyết tại biệt của khai quốc công thần Washington ngày 17/9/1796. Nhà chính luận Pháp Tocqueville^[1] có viết một đoạn bình luận đặc sắc trong danh tác “Nền dân chủ Mỹ” xuất bản năm 1835 như sau:

“Có hai người cho tôi nay vẫn có ảnh hưởng đối với việc chế độ chính sách ngoại giao Mỹ, người thời nhót là Washington, người thời hai là Jefferson. Washington có một bậc thời đáng ca ngợi gọi là đấng bảo mình, chúng ta có thể coi đó là di chúc chính trị của bậc vĩ nhân này. Bậc thời viết:

‘Về mặt chính sách đối ngoại, quy tắc hành xử chủ yếu của chúng ta là: mở rộng thông thương buôn bán với nước ngoài, hết sức cố gắng ít có quan hệ chính trị với nước ngoài. Nói về các hiệp ước chúng ta đã ký kết, chúng ta phải hết sức tôn trọng. Nhưng chúng ta cũng chỉ làm thôi mà thôi.’

‘Các nước châu Âu có một bộ lợi ích căn bản liên quan lẫn nhau, nhưng lợi ích ấy nếu không phải là căn bản không có liên quan tới chúng ta thì cũng chỉ có quan hệ cách kỳ xa xôi với chúng ta. Bởi vậy, tất nhiên họ sẽ rơi vào tình trạng thông thường xuyên không ngừng tranh chấp, nhưng nguồn gốc sự tranh chấp ấy về bản chất là không liên quan tới chúng

ta. Cho nên tôi nay vẫn sau muộn dùng sợi dây nhân tạo gắn kết chúng ta với các biên giới chính trị hàng ngày của châu Âu, hoặc gắn kết chúng ta với sự chia rẽ và hợp nhất của các nước châu Âu lúc thì đối địch nhau, lúc thì làm bạn với nhau – đó là việc rất không khôn ngoan.”

‘Về trí địa lý của chúng ta một mình một cõi, xa cách các nước khác, đã thúc đẩy và cho phép chúng ta có thể áp dụng những lối khác mọi người. Giờ thì dưới sự quản trị của một chính phủ có hiệu suất, chúng ta tiếp tục tiến tới như một dân tộc, thì trong tương lai không xa chúng ta sẽ có thể không phải chịu các thiệt hại vật chất do sự xâm lược của nước ngoài, có thể áp dụng lập trường giúp chúng ta bất kỳ lúc nào cũng có thể giành lấy trung lập được tôn trọng, có thể làm cho các nước giao chiến vì không kiếm được chút lợi ích nào từ chúng ta mà không dám nhòm một làm búa khiêu khích chúng ta, có thể căn cứ theo nguyên tắc lợi ích và chính nghĩa của chúng ta mà lựa chọn hoà bình hoặc chiến tranh.’

‘Vì sao tôi lại bỏ lợi ích do vị trí địa lý được đảo đem lại? Vì sao tôi lại bỏ căn cứ của mình mà chạy đến căn cứ của nước ngoài? Vì sao phải gắn liền vận mệnh của chúng ta với vận mệnh của một bộ phận nào đó ở châu Âu, qua đó làm cho nền hoà bình và phồn vinh của chúng ta dính dáng với dã tâm, sự đối kháng, lợi hại, tùy tiện của người châu Âu?’

‘Chính sách đúng đắn của chúng ta là tránh mãi mãi liên kết đồng minh với bất cứ nước ngoài nào. Ý tôi muốn nói chúng ta cần hành động không chịu sự ràng buộc như hiện nay; xin chớ hiểu lợi tôi là tôi chỉ trường không tôn trọng các hiệp ước hiện có. Xưa nay thành thực bao giờ cũng là phương sách tốt nhất; trong công việc nhà nước tôi tuân theo châm ngôn này không kém gì trong việc riêng. Bởi vậy, tôi nhắc lại lần nữa, chúng ta phải tuân thủ các hiệp ước căn cứ theo bản nghĩa của hiệp ước. Nhưng tôi cho rằng việc mở rộng hiệp ước hoặc ký kết hiệp ước mới đều là không cần thiết và không khôn ngoan.’

‘Trước sau như một phải chú ý áp dụng các biện pháp thích đáng nhằm để mình giữ được thể phòng ngừa được người khác tôn trọng, trong trường hợp gặp nguy hiểm bất trắc cũng có thể lợi dụng một cách an toàn liên minh tạm thời.’”

“Trước đó nói trên, Washington có nói một danh ngôn chí lý đáng khâm phục: ‘Một quốc gia bao giờ cũng quen cảm ghét hoặc ưa thích một quốc gia khác, thì quốc gia đó giống như một kẻ nô lệ, tức trở thành kẻ nô lệ của lòng yêu và ghét của mình.’ Hoạt động chính trị của Washington bao giờ cũng tuân theo những châm ngôn đó. Trong khi tất cả các nước khác trên thế giới đều cuốn vào chiến tranh thì ông lại làm cho đất nước mình giữ được hoà bình. Ông cho rằng lợi ích căn bản của người Mỹ là quyết không dính

dáng tài sĩ tranh chấp nội bộ châu Âu, và ông coi điểm này là chuẩn tắc hành động của ông.”

“Jefferson còn đi xa hơn, châm ngôn ông tuân theo về chính sách đối ngoại là: ‘Ngay khi Mỹ quyết không đòi hỏi nước ngoài cho mình được quyền nào, nhằm tránh để mình bị ép phải nhượng được quyền cho nước ngoài.’”

“Chính sách đối ngoại của Mỹ là một kiểu chính sách chờ xem mà họ thi hành rất tốt. Chính sách đó yêu cầu không làm điều mình không muốn làm, chứ không phải là việc gì cũng làm.”

Diễn thuyết tại biệt có tính di chúc chính trị của Washington là bản tuyên ngôn của chính sách Mỹ, được gọi là công lý nguyên tắc đối ngoại của chủ nghĩa biệt lập Mỹ, giá trị chính sách của nó không kém gì “Sức mạnh mềm” của Mahan.^[2] Di chúc chính trị của Washington là kết tinh trí tuệ chính sách của các bậc khai quốc công thần Mỹ, là sự sáng tạo của trí tuệ chính sách Mỹ thời đại đó, là tư tưởng chủ đạo thực tiễn chính sách Mỹ 100 năm sau đó... Di chúc này có thể sánh ngang bất kỳ trác tác tư tưởng chính sách kinh điển nào trên thế giới.

Sở dĩ gọi “chủ nghĩa Monroe”: sự hình thành đối chính sách “chủ nghĩa bá quyền khu vực” của Mỹ

Nếu nói rộng trong diễn văn tại biệt của mình, Washington đã ấn định đối chính sách chủ nghĩa biệt lập cho nước Mỹ và đối chính sách đó là giai đoạn thứ nhất và hình thái đầu tiên của đối chính sách Mỹ, thì [chủ nghĩa Monroe](#) là giai đoạn hai và hình thái thứ hai của đối chính sách Mỹ. “Chủ nghĩa biệt lập” trên thực tế là “chủ nghĩa độc lập” của chính sách ngoại giao Mỹ, tức là sau khi giành được độc lập quốc gia từ sự thống trị thuộc địa của Anh, nước Mỹ về chính sách ngoại giao nhà nước cũng phải được lập thoát ra khỏi hệ thống châu Âu và sự ràng buộc của châu Âu, không thể rơi vào sự tranh chấp của hệ thống châu Âu, không thể trở thành một quân cờ trên bàn cờ lớn châu Âu. Còn chủ nghĩa Monroe thì lại dựa trên cơ sở được lập về ngoại giao, nước Mỹ từ chủ nghĩa độc lập quốc gia đi tới chủ nghĩa bá quyền khu vực trong phạm vi châu Mỹ. [...] Đây là một giai đoạn chuyển tiếp của Mỹ đi lên bá quyền thế giới, là một giai đoạn trung gian.

Sau khi giành nước, chính sách ngoại giao của Mỹ tuân theo nguyên tắc chủ nghĩa biệt lập do Washington ấn định, không liên minh với bất kỳ quốc gia nào, không cuốn vào công việc của châu Âu. Nhưng ngay từ đầu thế kỷ 19 Mỹ đã coi châu Mỹ La Tinh là sân sau của mình, không cho người khác xâm phạm. Năm 1823, chính phủ Mỹ đưa ra “chủ nghĩa Monroe” nổi tiếng, không cho phép châu Âu lập thuộc địa tại châu Mỹ. Tư tưởng cốt lõi của chủ nghĩa này là “Châu Mỹ là của người châu Mỹ”, trên thực tế là muốn biến châu Mỹ thành châu Mỹ của người Mỹ. Sở dĩ xuất chủ nghĩa Monroe là một bước nhảy vọt quan trọng của đối chính sách Mỹ, từ chủ nghĩa độc lập quốc gia tới chủ nghĩa bá quyền khu vực.

Ngày 2/12/1823, Tổng thống Mỹ Monroe đưa ra Thông điệp do Adams thảo, nội dung chủ yếu về mặt ngoại giao trong Thông điệp này được gọi là “Chức nghĩa Monroe”, nội dung chính gồm ba nguyên tắc cơ bản: – nguyên tắc “Phản đối các quốc gia châu Âu chiếm thuộc địa ở châu Mỹ”; – nguyên tắc “không can thiệp”; – nguyên tắc “hệ thống châu Mỹ”.

Về cái gọi là nguyên tắc “Phản đối các quốc gia châu Âu chiếm thuộc địa ở châu Mỹ”, trong bản Thông điệp có nói: Đối với châu Mỹ do đã giành được và giữ được trạng thái tự do và độc lập, tôi nay không thể nào coi là mối bất cập quốc gia châu Âu nào sẽ dùng làm thuộc địa.”

Nguyên tắc này do Mỹ đưa ra tuy có bao gồm nguyên tắc chống chủ nghĩa thực dân nhưng ý đồ thực sự là nhằm báo động quyền lợi bành trướng lãnh thổ của Mỹ, hơn cả và rằng buộc các nước châu Âu tiến hành bành trướng mới tại châu Mỹ, chống lại việc bất kỳ quốc gia châu Âu nào lập thuộc địa mới và tiến hành chuyển nhượng thuộc địa tại châu Mỹ. Đây là nguyên tắc ngoại giao dùng để báo động nước Mỹ có thể mở rộng lãnh thổ của mình trong tương lai nên sẽ chưa đủ mạnh,

Cái gọi là “Nguyên tắc không can thiệp” gồm hai tầng nghĩa: một là không cho phép các nước châu Âu can thiệp công việc của châu Mỹ. Bản Thông điệp chỉ rõ: “Các chính phủ đã tuyên bố độc lập và đang duy trì độc lập (qua xem xét thân trọng và căn cứ theo nguyên tắc chính nghĩa, chúng ta đã thừa nhận nên độc lập của họ) nếu bất kỳ quốc gia châu Âu nào tiến hành can thiệp nhằm áp bức họ hoặc dùng các phương thức khác không chủ vận minh họ thì chúng ta chỉ có thể cho rằng đó là biểu hiện của ý đồ không hữu hảo đối với nước Mỹ.” Hai là nước Mỹ không can thiệp vào châu Âu. Thông điệp vạch ra: “Chúng tôi chưa từng và trong tương lai sẽ không can thiệp vào các thuộc địa hoặc nhượng địa của bất kỳ quốc gia châu Âu nào”. Nguyên tắc không can thiệp lấy gồm hai nguyên tắc “can thiệp” và “không can thiệp”. Nghĩa là Mỹ phản đối bất kỳ quốc gia nào của châu Âu can thiệp vào công việc của châu Mỹ, nhưng Mỹ lại có quyền can thiệp công việc của châu Mỹ; can thiệp công việc châu Mỹ trở thành quyền lợi của nước Mỹ mới có.

Về cái gọi là “nguyên tắc hệ thống châu Mỹ”, bản thông điệp chỉ rõ: “Về mặt này, chế độ chính trị của các nước thuộc Liên minh (chỉ Liên minh thân thánh) rất khác với chế độ chính trị của châu Mỹ. Chúng tôi sẽ cho rằng ý đồ muốn khai triển chế độ của họ sang bất kỳ bộ phận nào trên bán cầu chúng tôi đều sẽ gây nguy hại đối với hòa bình và an toàn của chúng tôi.” Thông điệp viết tiếp: “Bởi vậy, chúng tôi cũng không thể ngồi yên mà nhìn sự can thiệp lấy dấy bất kỳ phương thức nào.” Thông điệp ca ngợi chủ nghĩa cộng hòa của châu Mỹ, dứt khoát chia tách châu Mỹ coi như một hệ thống hoàn toàn khác với châu Âu của chủ nghĩa quân chủ chuyên chế. Đây là nguyên tắc “hệ thống

châu Mỹ” tách rời châu Mỹ với châu Âu. Hàm nghĩa của “hệ thống châu Mỹ” là ngăn chặn và tiến một bước tới việc bài xích ảnh hưởng chính trị của các cường quốc châu Âu tới Tây bán cầu, làm cho châu Mỹ và châu Âu “thoát ly tiếp xúc”, dẫn đường cho Mỹ bành trướng tới Tây bán cầu.

Bên thông điệp nói trên đối diện cho chính sách của chính phủ Mỹ đối với châu Mỹ La Tinh; trước đó Mỹ chưa hề bàn bạc gì với các nước Mỹ La Tinh mà đã phát đi bên thông điệp này với tư cách ngụy biện cho hành vi của các nước đó. Chủ nghĩa Monroe là sản phẩm nhằm bảo vệ lợi ích bành trướng hiện có và trong tương lai sẽ có của giai cấp tư sản Mỹ trong tình hình quốc tế phức tạp: trên thực tế ý đồ của Liên minh thần thánh các thế lực phân động quốc tế muốn can thiệp vũ trang vào châu Mỹ La Tinh, giai cấp tư sản Anh và Mỹ tranh giành gay gắt châu Mỹ La Tinh, hai nước Nga và Mỹ đang có xung đột sâu sắc.

Chủ nghĩa Monroe trở thành một nguyên tắc cơ bản trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Nó tuyên truyền tư tưởng dân chủ công hòa của giai cấp tư sản chống lại chủ nghĩa quân chủ phong kiến của châu Âu; với khách quan, nó cũng giúp đỡ các nước Mỹ La Tinh, ngăn chặn dã tâm của các cường quốc Anh, Pháp, Nga muốn bành trướng thế lực chính trị, kinh tế và lập thuộc địa mới tới châu Mỹ, tuyên ngôn này có ý nghĩa tiến bộ nhất định. Thế nhưng Tuyên ngôn Monroe dùng chiêu bài “châu Mỹ là của người châu Mỹ”, trên thực tế nó là tuyên ngôn của nước Mỹ muốn lập sự thống trị của mình tới khu vực châu Mỹ và tranh bá với các cường quốc châu Âu. Cùng với sự phát triển của lịch sử nước Mỹ, Tuyên ngôn Monro cũng có tác động tiến bộ đã trở thành công cụ để Mỹ tiến hành xâm lược bành trướng, phục vụ việc thực hiện “châu Mỹ là của người Mỹ”.

Đối với người chủ nghĩa Monroe, nước Mỹ tiến hành bành trướng lãnh thổ điên cuồng tới đối lập châu Mỹ. Những năm 30 – 40 thế kỷ 19, nước Mỹ cướp đoạt Texas từ Mexico; thời gian 1842 – 1844 Mỹ đẩy Anh ra khỏi Oregon; những năm 1846 – 1848, Tổng thống Mỹ Polk phát động chiến tranh xâm lược Mexico, cướp đoạt hơn một nửa toàn bộ lãnh thổ Mexico. Thời gian 1819-1853, qua những phương thức cướp đoạt, thôn tính, mua rẻ tiến hành trên đối lập Bắc Mỹ, nước Mỹ đã mở rộng lãnh thổ thêm 1,3 triệu dặm vuông Anh, tổng diện tích lãnh thổ nước Mỹ trước năm 1819, bao gồm vùng đất rộng lớn của 6 bang California, Nevada, Utah, Colorado, Arizona, New Mexico. Từ trước giữa thế kỷ 19, lãnh thổ Mỹ đã tiếp nối đất hợp và dài của 13 bang dọc bờ biển Đại Tây Dương mở rộng đến tận bờ biển Thái Bình Dương.

Mahan sáng lập “Thuyết sức mạnh biển”: đối chiến lược Mỹ đi ra ngoài nước Giai đoạn thế ba và hình thái thế ba của đối chiến lược Mỹ được đánh dấu bằng việc Mahan sáng lập “Thuyết sức mạnh biển”; thuyết này làm cho đối chiến lược Mỹ từ chiến

Lúc bá quyên châu Mỹ mở rộng thành chiên lúc biên nhm xây dựng “đ quốc Thái Bình Dương” vừa vún đúng vào lúc lãnh thổ nước Mỹ mở rộng về phía Tây đến bờ biên Thái Bình Dương. Do đất đai miền Tây đã khai thác hết, thổ tr trong nước phân chia đã xong, mâu thuẫn giai cấp ngày một gay gắt, các nhà tư bản được quyền Mỹ bèn chia mỗi nhn xâm lược ra ngoài biên. Nhưng vào lúc ấy lãnh thổ thổ giới đã bị các đ quốc già xâu xé xong xuôi, còn lại ba nước nà được lập là Trung Quốc, Ba Tư, Thổ Nhĩ Kỳ. Ba nước này ngày ấy thuộc diện ba bên nhn m yếu của thổ giới, là đối tượng đ các công quốc đều đá kích li t. Nước Mỹ yêu cầu phân chia lại thổ giới.

Vào thời đó nước Mỹ xuất hiện một lập ng theo chủ nghĩa bành tr như Mahan, Theodore Roosevelt, Henry Cabot Lodge, và hình thành một thổ lực chính tr xã hội. Tuy số ng này không nhiều song họ có địa vị cao, năng lực hoạt động mạnh. Theodore Roosevelt mới đầu là Tr lý Bộ tr như Bộ Hải quân, sau làm phó Tổng thống rồi Tổng thống Mỹ. Henry Cabot Lodge từng nhiều năm làm Thượng nghị sĩ, Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Thượng viện. Họ cố gắng cho cái gọi là “Thuyết đ quốc Thái Bình Dương”, tập trung phần ảnh hưởng vùng mạnh mẽ của tập đoàn tài chính ph Wall muốn bành tr như ra ngoài. Nhưng ng này đã có ảnh hưởng lớn đối với việc ổn định và thực thi chính sách ngoại giao Mỹ. Họ tin cho mình là kẻ thành tâm tin phục thuyết số mạnh biên và “Thuyết đ quốc Thái Bình Dương” do Mahan tuyên truyền; họ là những ng làm ra “chính sách lớn”. Bên họ các lực chủ tr như tăng cường hải quân, củng cố các căn cứ địa, xing bá trên biên. Cái gọi là “chính sách lớn” chủ yếu là nói chiếm Cuba, các căn cứ trên biên Ca-ri-bê, đào kênh Panama, chiếm các đảo Hawaii, Philippines giữa Thái Bình Dương, xây dựng đ quốc Thái Bình Dương. Cuối thế kỷ 19, đ quán tri t chính sách này, Mỹ đã tiến hành một loạt hoạt động xâm lược. Việc phát động chiên tranh Mỹ – Tây Ban Nha, đẩy mạnh chính sách mở của các nước là những thách thức mà Mỹ dành cho các đ quốc thực dân châu Âu già cỗi, nhm giành lấy và mở rộng ảnh hưởng quốc tế của mình.

Bên thời kỳ “chủ nghĩa thổ giới” của Roosevelt: định cao của đối chiên lược Mỹ

Lý tưởng và bên thời kỳ “chủ nghĩa thổ giới” của Roosevelt[3] trước ngày kết thúc Thế chiên II là giai đoạn 4 và hình thái thổ tế của đối chiên lược Mỹ.

Sau Thế chiên I, chiên lược đi ra thổ giới của Wilson gặp tr tr. Nhưng nỗ lực của Wilson rất cuộc là một thổ nhm của nước Mỹ. Tiến trình Thế chiên II đem lại cơ hội rất tốt cho việc Mỹ xây dựng bá quyên thổ giới. Sau năm 1943, Roosevelt tin ý rõ ràng là “quyên lược mà nước Mỹ đã giành được – quyền lược đạo nghĩa, chính tr, kinh tế và quân sự” “đem lại cho nước Mỹ trách nhiệm lãnh đạo công đồng quốc tế và theo đó cơ hội cũng đến”. Trước khi Thế chiên II kết thúc, tập đoàn lãnh đạo Mỹ với đối diện là Roosevelt và Hull[4] từng đưa ra một số ý tưởng và biện pháp sau này được số gia Arthur Meier Schlesinger Jr. gọi là “chủ nghĩa thổ giới”. Họ cho rằng chiên tranh đã làm

cho cả cầu thủ quân bình tuyến thống của châu Âu phá hoại nặng, cần phải đưa vào M, Liên Xô và Anh Quốc để duy trì trật tự thế giới. M nên và có thể ở trong thế giới này, thông qua tổ chức Liên Hợp Quốc để giữ gìn các an ninh tập thể thay cho thế quân bình và phạm vi thế lực của các nước lớn, bao gồm cả vĩ lãnh đạo thế giới của M. Thời kỳ đầu sau chiến tranh, hoài bão “chính nghĩa thế giới” của Roosevelt và sức thái mê mẩn của “chính nghĩa lý tưởng” của ông vẫn là nguyên tắc cơ bản trong chính sách ngoại giao M. Từ đầu năm 1946, ý kiến về tính chất thế giới sau chiến tranh và phương châm của M đối với Liên Xô đã dần dần hình thành. Luồng ý kiến chủ yếu ở M cho rằng Liên Xô đã trở nên đáng minh trong chiến tranh trở thành đối thủ tranh giành bá quyền thế giới, Liên Xô đã không còn là bạn hợp tác mà là đối tượng cần ngăn chặn. Quá trình phát triển đối chiến lược của M sau ngày lập quốc là một quá trình tiến theo thời gian. Đây là một quá trình đi từ chiến lược đối lập ngoại giao nhà nước đến chiến lược bá quyền khu vực châu M của chính nghĩa Monroe, rồi đến chiến lược đối quốc biến xông ra khỏi châu M tiến ra ngoài nước, cuối cùng vào sau Thế chiến II đặt tối định cao của mình trong chiến lược “chính nghĩa thế giới” lấy xưng bá toàn cầu làm mục tiêu. Trong quá trình đó đối chiến lược M thích ứng với nhu cầu nước M trải dầy, dần dần thực hiện sự trải dầy của nước M. Thành công trải dầy của nước M cũng là thành công của tổ chức chiến lược M.

Văn hoá M không phải là văn hoá “phi chiến lược”

Ông Nữu Tiên Chung chuyên gia chiến lược học nổi tiếng Trung Quốc viết trong cuốn “Nghiên cứu chiến lược” như sau: Người M coi trọng kế thuật mà không coi trọng tổ chức, coi trọng quyền lý mà không coi trọng chiến lược. Bởi vậy, văn hoá chiến lược M là một loại văn hoá “phi chiến lược”. Ông còn nêu lên bài cảnh giác của số hình thành văn hoá chiến lược M: Một, từ ngày đứng nước tới nay nước M vẫn dựa lý luận cách ly với thế giới bên ngoài, đây cũng là căn nguyên của chính nghĩa biệt lập. Hai, trong quá trình khai sơn phá thạch, các vấn đề ngoại M phải đối mặt đầu là vấn đề đối song hiện thực bức thiết, hình thành tâm trạng ăn xoi ở thì, chủ yếu lợi trước mắt. Ba, M là nước không có truyền thống lịch sử lâu đời, cho nên trên đời có nước đầu tiên biến thiêu ý thức lịch sử. Bốn, xã hội M là xã hội công nghiệp hoá cao độ, hầu như ngoại M đầu là kẻ sơ cớ, vì thế đối với bất kỳ vấn đề nào họ đều muốn tìm kiếm giải đáp có tính kế thuật. Kiểu nhận thức như vậy không đúng với thực tế quá trình chiến lược M. Văn hoá chiến lược của một quốc gia trước hết thể hiện trên sự theo đuổi chiến lược của quốc gia đó. Mục tiêu của ngoại M có tính chiến lược rất minh. Nhưng ngoại thế dân M đầu tiên đến Tân đại lục đầu có lý tưởng muốn xây dựng trên minh đất mới này một quốc gia mới khác với cầu đời lực truyền thống, mong muốn có thể theo ý chí của Thế ông Đ xây dựng một thành phố trên đỉnh đời, trở thành hình mẫu của thế gian. Tri thức mà ngoại M ban đầu cần tìm kiếm gồm hai mặt: một là hướng lên Thế ông Đ theo đuổi tín ngưỡng siêu việt tinh thần; hai là hướng về đời sống thế tục theo đuổi việc tìm kiếm kinh nghiệm và các tri thức lý trí và sự huy động của thế giới vật chất. Một

quân thi chiến lược và mục tiêu chiến lược như vậy đã quyết định việc họ tất nhiên phải tôn sùng và sáng tạo nên văn hoá chiến lược.

Văn hoá chiến lược Mỹ sau ngày đứng đầu đã có nhiều sáng tạo ảnh hưởng sâu sắc tới thế giới. Thí dụ sáng tạo chiến lược trong cuộc cách mạng đảo lộn Mỹ, sáng tạo chiến lược trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai, sáng tạo chiến lược “Chính sách Mới” của Roosevelt, thiết kế thế giới sau Thế chiến II của người Mỹ, dù trên mặt nội chính hoặc ngoại giao đều có rất nhiều sáng tạo đi đầu lịch sử, xuất sắc trên thế giới. Dù vậy chiến lược và quyết định chiến lược Mỹ đều nói lên Mỹ là một nước lớn chiến lược, cũng quyết chiến lược. Văn hoá chiến lược của một quốc gia, tính chiến lược của văn hoá quốc gia chỉ yếu thể hiện trên sự thể hiện chiến lược, duy chiến lược và việc giải quyết các vấn đề chiến lược lớn của quốc gia đó. Quốc gia nào không xuất sắc về chiến lược thì không thể trở dậy thành công. Tuy là nước có lịch sử ngắn nhất trong số các nước lớn trỗi dậy, nhưng quá trình thể hiện chiến lược hàng quốc gia Mỹ rất đặc sắc. Tuy tôn sùng kế thừa, chú trọng thực dụng nhưng Mỹ cũng là một quốc gia chiến lược phát triển tốt. Cho dù có khuyết điểm chỉ còn lại một vài điểm nhưng Mỹ cũng có vài điểm bất suy tính trước sau. Bởi vậy, văn hoá Mỹ không phải là văn hoá “phi chiến lược”.

Lưu Minh Phúc là Đại tá, Giáo sư trưởng Đại học Quốc phòng Trung Quốc.

Nguồn: Trích dịch từ 《中国梦》，作者: 刘明福, 出版社：中国友谊出版公司

[1] Alexis de Tocqueville, 1805-1859, người Pháp, nhà chính trị học và xã gia, nhà sử học, thành viên ban soạn thảo Hiến pháp, tác giả 2 cuốn sách Dân chủ Mỹ, Chế độ cũ và Đại cách mạng.

[2] Alfred Thayer Mahan, 1840-1914, người Mỹ, nhà chiến lược biển và xã gia biển, sáng lập thuyết Sức mạnh biển (Sea Power Theory), sĩ quan chỉ huy trong cuộc chiến Mỹ - Tây Ban Nha năm 1898. Tổng thống F. Roosevelt ca ngợi ông là một trong những nhân vật vĩ đại nhất, có ảnh hưởng nhất ở nước Mỹ.

[3] Đây là Franklin Roosevelt, 1882-1945, Tổng thống Mỹ thứ 32, làm TT 4 nhiệm kỳ liên (1933-1945), được coi là TT tốt nhất nước Mỹ.

[4] Cordell Hull, 1871-1955, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ 1933-1943, ông hỗ trợ New Deal của Roosevelt.